ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

 **Học phần:** **Tiếng Anh 2**

 **Mã số: ENG132**

 **Số tín chỉ: 3**

 **Ngành đào tạo: Quản lý tài nguyên và Du lịch**

**sinh thái**

**Thái Nguyên, 2024**

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Thái Nguyên, ngày 10 tháng 7 năm 2024* |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: Quản lý tài nguyên và Du lịch sinh thái**

**I. Thông tin chung về học phần**

 - Tên học phần: **Tiếng Anh 2**

 - Tên tiếng Anh: **ENGLISH 2**

 - Mã học phần: **ENG132**

 - Số tín chỉ: 3

- Điều kiện tham gia học tập học phần:

 Học phần học trước: Tiếng Anh 1

 Học phần tiên quyết: Không

 - Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45/0/90)

- Học phần thuộc khối kiến thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ bản**  | **Cơ sở ngành □** | **Chuyên ngành □** | **Bổ trợ □** |
| Bắt buộc  | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ |

**Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Anh Tiếng Việt

**II. Thông tin về giảng viên**

**2.1. Giảng viên 1:**

- Họ và tên: ***Văn Thị Quỳnh Hoa***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0982.068.949 Email: vanthiquynhhoa@tuaf.edu.vn

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <https://mysite.tuaf.edu.vn/vanthiquynhhoa>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 1996 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2009 tại Trường Đại học Tổng hợp Laguna Philippines, tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2015 tại tại Trường Đại học Tổng hợp Batangas, Phillipines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2007 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành, Kỹ năng viết gợi mở, Tiếng Anh giao tiếp. Đã chủ trì 02 đề tài cấp đại học; chủ trì 04 đề tài cấp cơ sở và tham gia 02 đề tài cấp cơ sở. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Hướng dẫn 01 học viên cao học bảo vệ thành công tại trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Ngyên. Là chủ biên cuốn sách tham khảo: Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng VSTEP bậc 3-5 xuất bản năm 2020, nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội.

**2.2. Giảng viên 2:**

- Họ và tên: ***Vũ Kiều Hạnh***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0982.935.685 Email: vukieuhanh@tuaf.edu.vn

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <https://mysite.tuaf.edu.vn/vukieuhanh>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh năm 2007 tại Trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành tiếng Anh năm 2009 tại Trường Đại học Tổng hợp Laguna, Philippines, tốt nghiệp tiến sĩ tiếng Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ và văn học năm 2015 tại Trường Đại học Tổng hợp Batangas, Philippines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2008 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là tiếng Anh cơ bản. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, tiếng Anh 3. Đã chủ trì 02 đề tài cấp cơ sở. Hướng dẫn thành công 02 học viên cao học tại Trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Ngyên. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Là đồng tác giả biên soạn sách tham khảo “Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng Vstep bậc 3-5” xuất bản năm 2020, nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội. Tham gia giảng dạy cho đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020.

**2. 3. Giảng viên 3:**

- Họ và tên: ***Phạm Thị Thu Trang***

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0389.975.847 Email: phamthithutrangnn@tuaf.edu.vn

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <https://mysite.tuaf.edu.vn/phamthithutrangnn>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 2012 tại Trường Đại học Hà Nội, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2017 tại Trường Đại học Hà Nội. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2014 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành. Đã chủ trì 01 đề tài cấp cơ sở và là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong nước.

 **2.4. Giảng viên 4:**

- Họ và tên: ***Nguyễn Thị Thu Hương***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0988111009 Email: nguyenthithuhuongnn@tuaf.edu.vn

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <https://mysite.tuaf.edu.vn/nguyenthithuhuongnn>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh năm 2002 tại Trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2010 tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia, Hà Nội, tốt nghiệp Tiến sĩ tiếng Anh, chuyên ngành Giảng dạy tiếng Anh năm 2018 tại Trường Đại học Tổng hợp Cagayan, Philippines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2003 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là tiếng Anh cơ bản. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tiếng Anh giao tiếp, Phát triển các kỹ năng Tiếng Anh. Đã chủ trì 04 đề tài cấp cơ sở. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí và trong nước, quốc tế và thuyết trình tại các Hội thảo Quốc tế. Tham gia giảng dạy cho đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020.

**2.5. Giảng viên 5:**

- Họ và tên: ***Hà Minh Tuấn***

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0904. 203 9292 Email: haminhtuannn@tuaf.edu.vn

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <https://mysite.tuaf.edu.vn/haminhtuannn>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 2001 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành PPGD Tiếng Anh năm 2014 tại Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc Gia Hà Nội. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2005 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành, Tiếng Anh giao tiếp. Tham gia giảng dạy cho đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 từ năm 2013 đến nay. Luyện thi TOEFL cho giảng viên trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. Làm công việc biên, phiên dịch cho các đối tác nước ngoài. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí và trong và quốc tế.

 **2.6. Giảng viên 6:**

- Họ và tên: ***Bùi Thị Kiều Giang***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0983.368.666 Email: buithikieugiang@tuaf.edu.vn

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <https://mysite.tuaf.edu.vn/buithikieugiang>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 1998 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2009 tại Trường Đại học Tổng hợp Laguna Philippines, tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2018 tại tại Trường Đại học Laguna, Phillipines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2009 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành, Tiếng Anh giao tiếp. Đã chủ biên 02 bài báo quốc tế nằm trong danh mục SCOPUS và nhiều bài báo đăng trong tạp chí trong nước.; chủ trì 04 đề tài NCKH cấp cơ sở và tham gia 02 đề tài cấp cơ sở.

**2.7. Giảng viên 7:**

- Họ và tên: ***Nguyễn Lan Hương***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0386.323.307 Email: nguyenlanhuong@tuaf.edu.vn

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <https://mysite.tuaf.edu.vn/nguyenlanhuong>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 2005 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2009 tại Trường Đại học Tổng hợp Laguna Philippines, tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2015 tại tại Trường Đại học Tổng hợp Batangas, Phillipines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2005 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành, Tiếng Anh giao tiếp. Đã chủ trì 04 đề tài cấp cơ sở. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Tham gia biên soạn cuốn sách tham khảo: Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng VSTEP bậc 3-5 xuất bản năm 2020, nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội.

**2.8. Giảng viên 8:**

- Họ và tên: ***Nông Thị Hiền Hương***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0984.888.345 Email:nongthihienhuong@tuaf.edu.vn

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh năm 2005 tại Trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành tiếng Anh năm 2007 tại Trường Đại học Latrobe, Úc, tốt nghiệp tiến sĩ tiếng Anh, chuyên ngành Kiểm tra đánh giá trong giáo dục năm 2018 tại Trường Đại học Malaysia Universiti Sarawak, Malaysia. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2005 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là giảng dạy tiếng Anh, kiểm tra đánh giá ngôn ngữ. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, tiếng Anh 3, bồi dưỡng ra đề thi, xác trị đề thi và chấm thi theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Là chủ biên và đồng tác giả của 04 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, đã chủ trì 04 đề tài NCKH cấp cơ sở.

**III. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên ngành **Quản lý tài nguyên và Du lịch sinh thái** những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và từ vựng đáp ứng được năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT và thực hành 4 kĩ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Sinh viên có thể trao đổi thông tin, hiểu các cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản như du lịch, phim, chỉ đường, sức khỏe, đồ ăn, đồ uống, lối sống, đi mua sắm, việc kiếm tiền…

**IV. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu****(Goals)** | **Mô tả mục tiêu***(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Mức** **năng lực** |
| **CO1** | Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp căn bản, phát âm đúng và vận dụng vốn từ vựng để áp dụng vào các tình huống giao tiếp.  | PLO 5,10 | **2** |
| **CO2** | Nghe hiểu nội dung các đoạn hội thoại ngắn.  | PLO5,10 | **2** |
| **CO3** | Đọc, hiểu những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc. | PLO5,10 | **2** |
| **CO4** | Viết được những đoạn văn ngắn, lời nhắn, viết nhật ký- nhật ký trực tuyến, thư đơn giản và ý kiến cá nhân. | PLO5,10 | **2** |

**V. Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần** | **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả chuẩn đầu ra***(sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Mức năng lực** |
| **CO1** | CLO1 | Sử dụng được những kiến thức cơ bản về ngữ pháp: thì quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai gần với cấu trúc “might”; “may”, “will”; cấu trúc “used to”; danh từ đếm được và danh từ không đếm được; Vận dụng các cấu trúc và từ vựng vào các cuộc hội thoại đơn giản.  | PLO 5,10 | **2** |
| **CO2** | CLO2 | Nghe hiểu, điền thông tin thiếu trong các đoạn hội thoại theo chủ đề. | PLO 5,10 | **2** |
|  **CO3** | CLO3 | Sử dụng được tiếng Anh trong việc đọc và tìm kiếm tài liệu đơn giản; có khả năng hiểu thông tin, đoán nghĩa của từ, xác định ý chính trong các văn bản theo chủ đề về các chuyến đi, giữ gìn sức khỏe, du học, mua sắm, kiếm tiền… | PLO 5,10 | **2** |
| **CO4** | CLO**4** | Viết đoạn văn ngắn, lời nhắn, viết nhật ký- nhật ký trực tuyến, thư đơn giản và ý kiến cá nhân. | PLO 5,10 | **2** |

**Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần (tổng hợp từ bảng trên)**

**Lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Mức độ đóng góp chuẩn đầu ra của CTĐT** |  |  |
| PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 |
| ENG132 | TiếngAnh 2 | 3 |  |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần** |
|  | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 |
| Nội dung 1: **Unit 5: Travel** | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Nội dung 2: **Unit 6: Fitness** | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Nội dung 3: **Unit 7: Changes** | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Nội dung 4: **Unit 8: Money** | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Nội dung 5: **Revision: Preparation for outcome- based exam: Reading skills (B1B2C1-VSTEP)** | 3 | 3 | 3 | 3 |

**VI. Nội dung chi tiết học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Số tiết** | **Chuẩn đầu ra HP** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** | **Địa điểm giảng dạy** |
| **Unit 5: Travel** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Grammar**- The simple past tense- The past continuous tense | **1** | CLO**1** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1Rubric 2Rubric 3 | Giảng đường |
| **2.** **Vocabulary and Reading**- Journeys in film- The man who works in 3 countries everyday- Transport/ travel items/ tourism | **2** | CLO**1,** CLO**3** | **3** |
| **3. Speaking**- Discuss travel- Ask for and give directions- Present ideas for an award | **2** | CLO**1** | **3** |
| **4. Pronunciation**- Was/were- Stressed syllables- Intonation: questions | **1** | CLO**1** | **3** |
| **5. Listening**- Understand travel advice | **1** | CLO**2** | **3** |
| **6.** **Writing**- Write an email describing a trip or weekend away - Write an application for an award | **2** | CLO**4** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo 1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.3. Mark Hancock, 2010. *English Pronunciation in Use*. Cambridge University Press.4. Patricia Wilcox Peterson, 2003. *Developing Writing, 3th edition.* United States department of State. |
| **Unit 6: Fitness** |  |  |  |  |  |  |
| **1.** **Grammar**- The present perfect tense- May/might/Will | **1** | CLO**1** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1Rubric 2Rubric 3 | Giảng đường |
| **2.** **Reading**- Types of exercise | **2** | CLO**3** | **3** |
| **3.Vocabulary and Speaking**- Health/ food/ illness- Lifestyle- Discuss food preferences- Explain health problems- Talk about healthy habits | **2** | CLO**1** | **3** |
| **4. Listening**- Interview about food- Conversations between a doctor and patients | **1** | CLO**2** | **3** |
| **5. Pronunciation**- Sentence stress- Intonation- Spelling v pronunciation | **1** | CLO**1** | **3** |
| **6. Writing****-** Write about food- Write a blog post about health advice | **2** | CLO**4** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo 1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.3. Mark Hancock, 2010. *English Pronunciation in Use*. Cambridge University Press. |
| **Unit 7: Changes** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Grammar** - Used to- So/to/because | **1** | CLO**1** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1Rubric 2Rubric 3 | Giảng đường |
| **2. Reading and Vocabulary**- Verbs+ prepositions- Collocations/ Facilities- Living the dream- Studying abroad | **2** | CLO**3,** CLO**1** | **3** |
| **3. Speaking and Presentation**- How your life has changed- Why people tell lies- Learn to check and confirm information- New experiences | **2** | CLO**1** | **3** |
| **4. Listening**- A woman who changed her life- Understand short, predictable conversations | **1** | CLO**3** | **3** |
| **5. Pronunciation**- Weak forms: used to- Rhythm in complex sentences- Intonation: checking information | **1** | CLO**1** | **3** |
| **6. Writing**- Write about a decision that changed your life- Write a blog/ diary | **2** | CLO**4** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo 1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.3. Mark Hancock, 2010. *English Pronunciation in Use*. Cambridge University Press. |
| **Unit 8: Money** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Grammar** - Relative clauses- Too much/many/enough/very | **1** | CLO**1** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1Rubric 2Rubric 3 | Giảng đường |
| **2. Vocabulary and Reading**- Multi-word verbs- Money/shopping- Story of treasure hunt- Questionnaire about shopping | **2** | CLO**1,** CLO**3** | **3** |
| **3. Speaking**- Project that people should invest in- Why you should earn money- Present a money-making idea- Describe items/ go shopping | **2** | CLO**1** | **3** |
| **4. Listening**- Discussion about salaries- Conversations in the shops | **1** | CLO**2** | **3** |
| **5. Pronunciation**- The letter “s”- Multi-word verb stress- Weak form: do you/can I…… | **1** | CLO**1** | **3** |
| **6. Writing**- An opinion piece- A competition entry for a business investment | **2** | CLO**4** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo 1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.3. Patricia Wilcox Peterson, 2003. *Developing Writing, 3th edition.* United States department of State. |
| **Revision: Preparation for outcome- based exam: Reading skills (B1B2C1-VSTEP)** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Reading skills**- Skimming- Scanning | **2** | CLO**1,** CLO**3** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm. | Rubric 1Rubric 2Rubric 3 | Giảng đường |
| **2. Types of questions**- Main idea questions- Stated detail questions- Unstated detail questions- Inferred questions- Vocabulary questions- Pronouns reference questions- Where questions- Questions on author’s purpose- Questions on author's attitude | **3** | CLO**1,** CLO**3** | **3** |
| **3. Practice** | **4** | CLO**1,** CLO**3** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo 1. Văn Thị Quỳnh Hoa, Vũ Kiều Hạnh, Nguyễn Lan Hương. 2020. *Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng VSTEP bậc 3-5*. Nhà xuất bản Đại học Bách Khoa. 2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.3. Patricia Wilcox Peterson, 2003. *Developing Writing, 3th edition.* United States department of State. |

**VII. Đánh giá và cho điểm**

1. **Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần**

 **Ma trận đánh giá CĐR của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các CĐR của****học phần** | **Mức năng lực** | **Điểm chuyên cần (20%)** | **Điểm tra đánh giá quá trình****(30%)** | **Điểm cuối kỳ****(50%)** |
| CLO1 | **3** | **x** | **x** | **x** |
| CLO2 | **3** | **x** | **x** | **x** |
| CLO3 | **3** | **x** | **x** | **x** |
| CLO4 | **3** | **x** | **x** | **x** |

**2. Rubric đánh giá học phần**

***\* Điểm chuyên cần***

**Rubric 1: Sự tham gia và tính chủ động trong các buổi học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Giỏi****(8,5-10)** | **Khá****(7,0-8,4)** | **Trung bình****(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu****(4,0-5,4)** | **Kém****<4,0** |
|  |  |  |
| **Tham dự các buổi học lý thuyết, thảo luận và bài tập** | 80% | Tham dự đầy đủ các buổi học. | Tham dự chỉ đạt khoảng 70 -80% các buổi học. | Tham dự chỉ đạt khoảng 60% -70% các buổi học. | Tham dự chỉ đạt khoảng 50% -60% các buổi học. | Tham dự chỉ đạt khoảng <50% các buổi học. |
| **Thái độ học giờ lý thuyết, thảo luận và bài tập** | 10% | Tích cực phát biểu xây dựng bài.Xung phong làm bài tập và làm tốt bài tập. | Tương đối tích cực phát biểu xây dựng và có tinh thần xung phong làm bài tập tuy nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao. | Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời. | Chưa tích cực phát biểu xây dựng, không xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời. | Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu, xung phong làm bài.Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Làm việc riêng trong giờ học. |
| **Làm bài tập về nhà** | 10% | Hoàn thành 100% bài tập được giao. | Hoàn thành 80% bài tập được giao. | Hoàn thành 60% bài tập được giao. | Hoàn thành 50% bài tập được giao. | Không làm bài tập hoặc hoàn thành dưới 50% bài tập được giao. |

***\* Điểm kiểm tra đánh giá quá trình***

**Rubric 2: Thuyết trình**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng** **số** **(%)** | **Giỏi****(8,5-10)** | **Khá****( 7,0-8,4)** | **Trung bình****(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu****(4,0-5,4)** | **Kém****<4,0** |
|  |  |  |
| **Trả lời câu hỏi (Nhóm)** | 30% | Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng câu hỏi chung về chủ đề. | Trả lời được khoảng 70% nội dung câu hỏi chung về chủ đề. | Trả lời được khoảng 50% nội dung câu hỏi chung về chủ đề. | Trả lời được khoảng <50% nội dung câu hỏi chung về chủ đề. | Không trả lời được câu nào. |
| **Trả lời câu hỏi (Cá nhân)** | 20% | Hiểu rõ và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng về công việc được giao trong nhóm. | Trả lời được khoảng 70% về công việc được giao trong nhóm. | Trả lời được khoảng 50% về công việc được giao trong nhóm. | Trả lời được khoảng <50% nội dung câu hỏi chung về đề tài. | Không trả lời được câu nào. |
| **Hoạt động chung nhóm**  | 30% | Có sự phân công và cộng tác tốt giữa các thành viên trong nhóm. | Có sự cộng tác giữa các thành viên trongnhóm nhưng sự phân chia công việc không đều.  | Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng vẫn có thành viên không làm việc. | Không có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm và báo cáo. | Các thành viên trong nhóm không hoạt động. Dựa trên tài liệu tham khảo biến tấu thành bài của mình. |
| **Hoạt động** **cá nhân trong nhóm**  | 10% | Hoạt động tích cực và hoàn thành tốt công việc được giao. | Hoàn thành công việc được giao. | Hoàn thành một phần công việc được giao. | Hoàn thành một phần công việc được giao nhưng vẫn có sai sót. | Không hoàn thành công việc được giao. |
| **Tài liệu** | 5% | Tài liệu nghiên cứu và tài liệu báo cáo đầy đủ.Cung cấp đầy đủ nguồn tham khảo.Sử dụng nguồn tham khảo trong bài <20%. | Tài liệu nghiên cứu và tài liệu báo cáo không đầy đủ.Không cung cấp đầy đủ nguồn tham khảo. | Có sử dụng một số nguồn tham khảo (>=30%) nhưng không cung cấp nguồn tham khảo. | Sử dụng một số nguồn tham khảo (<30%) nhưng không cung cấp nguồn tham khảo. | Không sử dụng và không cung cấp nguồn tài liệu tham khảo. |
| **Hình thức báo cáo** | 5% | Cách trình bày lôi cuốn, rõ ràng, dễ hiểu.Có phân chia báo cáo giữa các thành viên. | Bài khá đầy đủ nhưng không trình bày mạch lạc. Có phân chia báo cáo giữa các thành viên. | Bài không đầy đủ, trình bày không rõ ràng.Không phân chia báo cáo giữa các thành viên. | Bài sơ sài, không thể hiểu được nội dung. Không phân chia báo cáo giữa các thành viên | Không báo cáo được. |

***\* Điểm cuối kỳ***

**Rubric 3: Trắc nghiệm trên máy**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Giỏi****(8,5-10)** | **Khá****( 7,0-8,4)** | **Trung bình****(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu****(4,0-5,4)** | **Kém****<4,0** |
|  |  |  |
| **Hiểu và vận dụng kiến thức nền của môn để làm bài thi trắc nghiệm kỹ năng Đọc** **trên máy** | 100% | Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài thi trắc nghiệm kỹ năng Đọc trên máy. | Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của bài thi trắc nghiệm kỹ năng Đọc trên máy | Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài thi trắc nghiệm kỹ năng Đọc trên máy. | Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài thi trắc nghiệm kỹ năng Đọc trên máy. | Đáp ứng <40% yêu cầu của bài thi trắc nghiệm kỹ năng Đọc trên máy. |

**VIII. Tài liệu học tập**

**1. Giáo trình**

1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.

2. Văn Thị Quỳnh Hoa, Vũ Kiều Hạnh, Nguyễn Lan Hương. 2020. *Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng VSTEP bậc 3-5*. Nhà xuất bản Đại học Bách Khoa.

**2. Tài liệu tham khảo:**

1. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.

2. McCarthy, M. & O’Dell, F.1999. *English Vocabulary in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press.

3. Patricia Wilcox Peterson, 2003. *Developing Writing, 3th edition.* United States department of State.

4. Mark Hancock, 2010. *English Pronunciation in Use*. Cambridge University Press.

**IX. Hình thức tổ chức dạy học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học của học phần (tiết)** | **Tổng** |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Tự học** |
| Unit 5 | 9 |  | 18 | 27 |
| Unit 6 | 9 |  | 18 | 27 |
| Unit 7 | 9 |  | 18 | 27 |
| Unit 8 | 9 |  | 18 | 27 |
| Revision | 9 |  | 18 | 27 |
| **Tổng** | **45** |  | **90** | **135** |

**X**. Cơ chế giải đáp thắc mắc, trả lời các câu hỏi của người học liên quan đến học phần; phản hồi của người học với kết quả chấm điểm học phần: trực tiếp trong giờ dạy tại giảng đường

**XI**. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy

**XII.** Kết nối doanh nghiệp, chuyên gia tham gia giảng dạy (*nếu có*)

**XIII.** Yêu cầu của giảng viên về cơ sở vật chất để giảng dạy học phần: Vô tuyến kết nối máy tính, Internet, Loa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIÁM ĐỐC** **PGS. TS. Trần Quốc Hưng** | **TỔ PHÓ** **TS. Bùi Thị Kiều Giang** | **GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN****TS. Nguyễn Lan Hương** |

**XIV. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết hàng năm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** **-** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ***ngày .. tháng .. năm*** - Lý do cập nhật, bổ sung | **<**Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm- Lý do cập nhật, bổ sung | **<**Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |
| **Lần …:**  | **<**Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |